TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỆ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
HÙNG VƯƠNG
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH CẢNH BÁO-NỢ MÔN HKI (2024-2025) KHÓA 23K17

Khoa: CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC - Chuyên ngành: 23K17-2 Công nghệ ô tô - Lớp: 23CNO2

STT	MSSV	Họ và tên	Điểm chữ	Xếp loại học tập	CB/NM HKI 2024-2025
3	23CNO2.011	Lâm Dương Bỉnh	C+	Trung bình	CB HKI (24-25)
4	23CNO2.148	Võ Kế Trường	C+	Trung bình	CB HKI (24-25)
5	23CNO2.059	Nguyễn Tấn Lộc	C+	Trung bình	CB HKI (24-25)
6	23CNO2.047	Lý Trí Khang	C+	Trung bình	CB HKI (24-25)
8	23CNO2.083	Nguyễn Minh Phúc	C+	Trung bình	CB HKI (24-25)
9	23CNO2.100	Nguyễn Ngọc Thiện	C+	Trung bình	CB HKI (24-25)
12	23CNO2.078	Huỳnh Chấn Phú	C+	Trung bình	CB HKI (24-25)
13	23CNO2.087	Nguyễn Tấn Sang	C+	Trung bình	CB HKI (24-25)
14	23CNO2.042	Tăng Khánh Huy	C+	Trung bình	CB HKI (24-25)
15	23CNO2.106	Lê Văn Trung	C+	Trung bình	CB HKI (24-25)
18	23CNO2.057	Võ Tấn Kiệt	C	Yếu	CB HKI (24-25)
19	23CNO2.070	Nguyễn Lâm Quốc Nhẫn	C	Yếu	CB HKI (24-25)
20	23CNO2.068	Phạm Đăng Nguyên	C	Yếu	CB HKI (24-25)
21	23CNO2.062	Võ Hoàng Long	C	Yếu	CB HKI (24-25)
22	23CNO2.116	Phạm Gia Vĩ	D	Yếu	CB HKI (24-25)
23	23CNO2.072	Dương Tuấn Phát	D	Yếu	CB HKI (24-25)
24	23CNO2.054	Võ Phước Đăng Khoa	D	Yếu	CB HKI (24-25)
25	23CNO2.081	Trần Phú	D	Yếu	CB HKI (24-25)
28	23CNO2.023	Đinh Hoàng Duy	D	Yếu	CB HKI (24-25)
29	23CNO2.058	Mai Nguyễn Văn Lắm	D	Yếu	CB HKI (24-25)
30	23CNO2.021	Nguyễn Quốc Dũng	D	Yếu	CB HKI (24-25)
31	23CNO2.143	Trần Nguyễn Hoàng Bảo	D	Yếu	CB HKI (24-25)
32	23CNO2.013	Nguyễn Hải Đăng	F	Yếu	CB HKI (24-25)
33	23CNO2.060	Trần Tiến Lộc	F	Yếu	CB HKI (24-25)
34	23CNO2.091	Lê Quốc Thái	F	Yếu	CB HKI (24-25)
35	23CNO2.141	Thiều Phạm Sỹ Phú	F	Yếu	CB HKI (24-25)
36	23CNO2.113	Võ Hoàng Gia Tuấn	F	Yếu	CB HKI (24-25)
37	23CNO2.099	Nguyễn Đỗ Duy Thiện	F	Yếu	CB HKI (24-25)
38	23CNO2.035	Ngô Thanh Hưng	F	Yếu	CB HKI (24-25)

STT	MSSV	Họ và tên	Điểm chữ	Xếp loại học tập	CB/NM HKI 2024-2025
39	23CNO2.045	Nguyễn Minh Khang	F	Yếu	CB HKI (24-25)
40	23CNO2.014	Nguyễn Hoàng Minh Đạt	F	Yếu	CB HKI (24-25)
41	23CNO2.067	Bành Nguyễn Hiếu Nghĩa	F	Yếu	CB HKI (24-25)
42	23CNO2.109	Phan Minh Trọng	F	Yếu	CB HKI (24-25)
43	23CNO2.142	Nguyễn Đức Thành	F	Yếu	CB HKI (24-25)
44	23CNO2.103	Huỳnh Gia Tiến	F	Yếu	CB HKI (24-25)
45	23CNO2.040	Nguyễn Lâm Huy	F	Yếu	CB HKI (24-25)
46	23CNO2.151	Nguyễn Trần Trường Sinh	F	Yếu	CB HKI (24-25)
47	23CNO2.150	Nguyễn Tuấn Hưng	F	Yếu	CB HKI (24-25)
48	23CNO2.032	Đỗ Việt Hoàng	F	Yếu	CB HKI (24-25)
49	23CNO2.001	Nguyễn Hoài An	F	Yếu	CB HKI (24-25)
50	23CNO2.082	Lê Văn Phúc	F	Yếu	CB HKI (24-25)
51	23CNO2.006	Trần Đặng Tuấn Anh	F	Yếu	CB HKI (24-25)
52	23CNO2.086	Lý Văn Quý	F	Yếu	CB HKI (24-25)
53	23CNO2.007	Đặng Trần Gia Bảo	F	Yếu	CB HKI (24-25)
54	23CNO2.010	Yến Quốc Bình	F	Yếu	CB HKI (24-25)
55	23CNO2.074	Lê Huy Phát	F	Yếu	CB HKI (24-25)
56	23CNO2.117	Thái Hồng Vĩnh	F	Yếu	CB HKI (24-25)
57	23CNO2.012	Ký Nhật Cường	F	Yếu	CB HKI (24-25)
58	23CNO2.073	Huỳnh Tấn Phát	F	Yếu	CB HKI (24-25)
59	23CNO2.015	Vũ Văn Định	F	Yếu	CB HKI (24-25)
60	23CNO2.112	Huỳnh Quốc Tuấn	F	Yếu	CB HKI (24-25)
61	23CNO2.085	Nguyễn Phương Quang	F	Yếu	CB HKI (24-25)
62	23CNO2.017	Nguyễn Chấn Đông	F	Yếu	CB HKI (24-25)
63	23CNO2.018	Nguyễn Hữu Minh Đức	F	Yếu	CB HKI (24-25)
64	23CNO2.076	Nguyễn Thanh Gia Phát	F	Yếu	CB HKI (24-25)
65	23CNO2.019	Lê Đức Dũng	F	Yếu	CB HKI (24-25)
66	23CNO2.075	Nguyễn Hữu Phát	F	Yếu	CB HKI (24-25)
67	23CNO2.024	Dương Hoàng Duy	F	Yếu	CB HKI (24-25)
68	23CNO2.026	Nguyễn Tân Bảo Duy	F	Yếu	CB HKI (24-25)
69	23CNO2.108	Trần Minh Trí	F	Yếu	CB HKI (24-25)
70	23CNO2.029	Hoàng Nguyễn Thanh Hiếu	F	Yếu	CB HKI (24-25)
71	23CNO2.104	Huỳnh Thanh Tiến	F	Yếu	CB HKI (24-25)
72	23CNO2.031	Trần Trọng Hiếu	F	Yếu	CB HKI (24-25)
73	23CNO2.033	Dương Quốc Hùng	F	Yếu	CB HKI (24-25)
74	23CNO2.034	Ngô Gia Hưng	F	Yếu	CB HKI (24-25)
75	23CNO2.036	Phùng Vĩnh Hưng	F	Yếu	CB HKI (24-25)
76	23CNO2.037	Thái Nguyễn Quốc Hưng	F	Yếu	CB HKI (24-25)

STT	MSSV	Họ và tên	Điểm chữ	Xếp loại học tập	CB/NM HKI 2024-2025
77	23CNO2.038	Huỳnh Gia Huy	F	Yếu	CB HKI (24-25)
78	23CNO2.130	Quách Phạm Hưng Phú	F	Yếu	CB HKI (24-25)
79	23CNO2.144	Phạm Khánh Quốc	F	Yếu	CB HKI (24-25)
80	23CNO2.043	La Gia Hy	F	Yếu	CB HKI (24-25)
81	23CNO2.101	Phạm Văn Thuận	F	Yếu	CB HKI (24-25)
82	23CNO2.102	Đào Tấn Thy	F	Yếu	CB HKI (24-25)
83	23CNO2.105	La Trần Minh Trí	F	Yếu	CB HKI (24-25)
84	23CNO2.046	Bùi Mạnh Khang	F	Yếu	CB HKI (24-25)
85	23CNO2.094	Trần Phú Thiên	F	Yếu	CB HKI (24-25)
86	23CNO2.093	Võ Văn Thắng	F	Yếu	CB HKI (24-25)
87	23CNO2.049	Nguyễn Điền Khang	F	Yếu	CB HKI (24-25)
88	23CNO2.050	Phạm Duy Khang	F	Yếu	CB HKI (24-25)
89	23CNO2.139	Lý Gia Hào	F	Yếu	CB HKI (24-25)
90	23CNO2.140	Đinh Minh Phụng	F	Yếu	CB HKI (24-25)
91	23CNO2.056	Thái Võ Tuấn Kiệt	F	Yếu	CB HKI (24-25)
92	23CNO2.152	Trương Diệu Phong	F	Yếu	CB HKI (24-25)
93	23CNO2.153	Phạm Trung Tín	F	Yếu	CB HKI (24-25)
94	23CNO2.063	Ngô Tiến Minh	F	Yếu	CB HKI (24-25)
95	23CNO2.065	Trần Đinh Nhật Nam	F	Yếu	CB HKI (24-25)
96	23CNO2.066	Trần Đông Nam	F	Yếu	CB HKI (24-25)
97	23CNO2.071	Bùi Tiến Phát	F	Yếu	CB HKI (24-25)
1	23CNO2.009	Nguyễn Duy Bình	B	Khá	NM HKI (24-25)
2	23CNO2.145	Võ Ngọc Minh	C+	Khá	NM HKI (24-25)
7	23CNO2.002	Đoàn Hồng Quốc Anh	C+	Trung bình	NM HKI (24-25)
10	23CNO2.022	Bùi Phi Anh Duy	C+	Trung bình	NM HKI (24-25)
11	23CNO2.055	Phạm Trung Kiên	C+	Trung bình	NM HKI (24-25)
16	23CNO2.008	Trần Duy Bảo	C+	Yếu	NM HKI (24-25)
17	23CNO2.027	Trần Quang Duy	C	Yếu	NM HKI (24-25)
26	23CNO2.003	Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo	D	Yếu	NM HKI (24-25)
27	23CNO2.077	Huỳnh Thanh Phong	D	Yếu	NM HKI (24-25)

NM HKI (24-25): Học sinh nợ môn trong HKI (24-25)
CB HKI (24-25): Học sinh nợ môn trong HKII (23-24) và tiếp tục nợ môn trong HKI (24-25)